

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
(ĐỢT XÉT BỔ SUNG)**

(Kèm theo Quyết định số 1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10 tháng 10 năm 2019
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		GHI CHÚ
													TH	TA	
1	15001558	Lê Đức	Dương	Nam	02/02/1997	Quảng Ngãi	15CĐ-ĐCN1	0	101	101	5,50	Trung bình			
2	15001289	Lê Văn	Phi	Nam	14/02/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	15CĐ-ĐCN1	0	101	101	5,76	Trung bình		B	
3	15001386	Hồ Văn	Phúc	Nam	04/04/1997	Quảng Ngãi	15CĐ-ĐCN3	0	101	101	5,57	Trung bình	A	B	
4	15001493	Nguyễn Phước	Thành	Nam	15/11/1996	Long An	15CĐ-ĐCN3	0	101	101	5,52	Trung bình		B	
5	15000483	Nguyễn Duy	Tân	Nam	05/09/1997	Bến Tre	15CĐ-TM1	0	101	101	6,15	Trung bình		B	
6	15002483	Huỳnh Hồ	Hải	Nam	06/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-TW	0	101	101	6,14	Trung bình		B	
7	16000888	Hồ Xuân	Bảo	Nam	29/09/1997	Đồng Nai	16CĐ-ĐCN1	0	99	101	5,89	Trung bình		B	
8	16001072	Dương Quốc	Danh	Nam	11/02/1998	Long An	16CĐ-ĐCN1	0	99	101	5,81	Trung bình			
9	16000818	Trần Thành	Đạt	Nam	19/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN1	0	99	101	6,10	Trung bình	A	B	
10	16001059	Lâm Cao	Nguyên	Nam	28/11/1998	An Giang	16CĐ-ĐCN1	0	99	101	6,00	Trung bình		B	
11	16001120	Đỗ Anh	Pháp	Nam	12/04/1998	Bình Thuận	16CĐ-ĐCN1	0	99	101	5,86	Trung bình			
12	16002500	Nguyễn Văn Mạnh	Tiến	Nam	17/04/1998	Phú Yên	16CĐ-ĐCN1	0	99	101	6,37	Trung bình		B	
13	16001830	Phạm	Lợi	Nam	15/07/1998	Quảng Ngãi	16CĐ-ĐCN2	0	99	101	6,20	Trung bình			
14	16002833	Nguyễn Thành	Luân	Nam	13/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN2	0	99	101	6,38	Trung bình	A		
15	16002786	Nguyễn Cao	Nghĩa	Nam	06/04/1998	Đắk Lắk	16CĐ-ĐCN2	0	99	101	6,46	Trung bình		B	
16	16002664	Nguyễn Hữu	Tâm	Nam	30/06/1998	Đồng Tháp	16CĐ-ĐCN2	0	99	101	6,58	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		GHI CHÚ
													TH	TA	
17	16002878	Trương Thanh	Tiến	Nam	13/10/1997	Đồng Tháp	16CD-ĐCN2	0	99	101	6,02	Trung bình			
18	16003026	Bùi Thanh	Tiến	Nam	16/03/1998	Bình Định	16CD-ĐCN2	0	99	101	6,33	Trung bình		B	
19	16003122	Võ Ngọc Hoàng	Vũ	Nam	27/05/1998	Long An	16CD-ĐCN2	0	99	101	5,96	Trung bình		B	
20	16003835	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	05/07/1997	Lâm Đồng	16CD-ĐCN3	0	99	101	6,29	Trung bình		B	
21	16001036	Phạm Đình	Chương	Nam	29/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-ĐCN4	0	99	101	5,65	Trung bình			
22	16001257	Trần Minh	Đăng	Nam	06/02/1997	Long An	16CD-ĐCN4	0	99	101	5,88	Trung bình		B	
23	16001691	Trương Thiện	Hiếu	Nam	01/05/1998	Đồng Nai	16CD-ĐCN4	0	99	101	6,05	Trung bình		B	
24	16001299	Đặng Thành	Nhân	Nam	20/09/1997	Gia Lai	16CD-ĐCN4	0	99	101	6,29	Trung bình	A	B	
25	16001422	Trương Tấn	Phát	Nam	23/04/1997	Long An	16CD-ĐCN4	0	99	101	5,82	Trung bình		B	
26	16002974	Du Quốc	Bảo	Nam	01/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-ĐCN5	0	99	101	6,34	Trung bình		B	
27	16002294	Đinh Thái	Hậu	Nam	28/04/1998	Bình Định	16CD-ĐCN5	0	99	101	6,14	Trung bình		B	
28	16003068	Lê Đình	Phú	Nam	19/08/1998	Lâm Đồng	16CD-ĐCN5	0	99	101	6,00	Trung bình			
29	16002802	Nguyễn Văn	Huy	Nam	21/01/1998	Bình Thuận	16CD-ĐTCN1	0	99	101	7,10	Khá		B	
30	16001813	Nguyễn Văn	Nghi	Nam	15/04/1997	Quảng Ngãi	16CD-ĐTCN1	0	99	101	6,38	Trung bình			
31	16003121	Bùi Hoàng	Sơn	Nam	24/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-ĐTCN1	0	99	101	6,49	Trung bình		B	
32	16000632	Trần Văn	Tùng	Nam	20/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-ĐTCN1	0	99	101	6,06	Trung bình			
33	16002282	Vũ Hoài	Ân	Nam	03/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-TĐH1	0	101	101	6,96	Trung bình		B	
34	16001203	Lê Công Thiên	Bảo	Nam	24/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-ĐL1	0	101	101	6,16	Trung bình	A		
35	16002422	Trương Văn	Hoàng	Nam	08/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-CĐ1	0	101	101	6,28	Trung bình	A	B	
36	16002579	Phan Hoài	Phương	Nam	13/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-CĐT1	0	101	101	6,55	Trung bình	A	B	
37	16003016	Lê Công	Thoại	Nam	27/01/1997	Long An	16CD-CĐT1	0	101	101	6,31	Trung bình	A	B	
38	16003104	Cao Ngọc	Chí	Nam	17/11/1997	Long An	16CD-CTM2	0	101	101	6,41	Trung bình	A		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		GHI CHÚ
													TH	TA	
39	16002769	Trương Bảo	Nhớ	Nam	26/09/1998	An Giang	16CD-CTM2	0	101	101	6,15	Trung bình		B	
40	16002767	Nguyễn Ngọc	Sang	Nam	22/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-CTM2	0	101	101	6,46	Trung bình		B	
41	16003508	Đỗ Minh	Thiện	Nam	14/06/1997	Bến Tre	16CD-CTM3	0	101	101	6,07	Trung bình		B	
42	16003110	Ngô Quang	Trường	Nam	28/12/1998	Bình Định	16CD-CTM3	0	101	101	6,26	Trung bình	A		
43	16002171	Phạm Đức	Anh	Nam	31/12/1998	Tây Ninh	16CD-CTM4	0	101	101	5,93	Trung bình		B	
44	16001323	Nguyễn Hoàng	Chương	Nam	05/09/1998	An Giang	16CD-CTM4	0	101	101	5,60	Trung bình			
45	16002271	Đặng Tiến	Dũng	Nam	07/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-CTM4	0	101	101	5,96	Trung bình		B	
46	16002050	Nguyễn Văn	Minh	Nam	02/08/1998	Quảng Ngãi	16CD-CTM4	0	101	101	6,70	Trung bình		B	
47	16002270	Công Văn	Mộng	Nam	10/09/1998	Tiền Giang	16CD-CTM4	0	101	101	6,35	Trung bình		B	
48	16002291	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	02/11/1998	Bến Tre	16CD-CTM4	0	101	101	6,28	Trung bình	A	B	
49	16000703	Nguyễn Minh	Bình	Nam	21/02/1998	Ninh Thuận	16CD-Ô1	0	101	101	6,42	Trung bình	A	B	
50	16001263	Hà Văn	Công	Nam	20/05/1998	Bình Định	16CD-Ô1	0	101	101	6,32	Trung bình	A		
51	16001180	Vương Thanh	Dal	Nam	20/07/1998	An Giang	16CD-Ô1	0	101	101	7,00	Khá			
52	16000526	Đinh Anh	Khoa	Nam	30/06/1992	Đồng Nai	16CD-Ô1	0	101	101	6,10	Trung bình			
53	16001343	Trần Văn	Hậu	Nam	15/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-Ô2	0	101	101	6,20	Trung bình		B	
54	16001487	Nguyễn	Luân	Nam	22/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-Ô2	0	101	102	5,96	Trung bình	A		
55	16001166	Dư Lâm	Luật	Nam	25/08/1998	Bình Thuận	16CD-Ô3	0	101	101	6,12	Trung bình	A	B	
56	16001161	Hà Hoàng	Phương	Nam	05/10/1996	Đồng Tháp	16CD-Ô3	0	101	101	6,15	Trung bình	A	B	
57	16001589	Trịnh Văn	Tùng	Nam	01/07/1997	Đồng Tháp	16CD-Ô3	0	101	101	6,28	Trung bình		B	
58	16001048	Nguyễn Thuận	An	Nam	31/08/1997	Ninh Thuận	16CD-Ô4	0	101	101	5,87	Trung bình			
59	16000955	Huỳnh Trần Đức	Toàn	Nam	24/11/1998	Tiền Giang	16CD-Ô4	0	101	101	6,09	Trung bình			
60	16001018	Hà Minh	Trung	Nam	03/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-Ô4	0	101	101	6,01	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		GHI CHÚ
													TH	TA	
61	16002032	Lê Truyền	Long	Nam	18/07/1998	Vĩnh Long	16CĐ-Ô5	0	101	101	6,23	Trung bình		B	
62	16002381	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	06/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-Ô7	0	101	101	5,92	Trung bình		B	
63	16003323	Nguyễn Thiện	Huy	Nam	03/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-Ô7	0	101	101	6,24	Trung bình			
64	16002838	Nguyễn Thế	Anh	Nam	12/11/1997	Bến Tre	16CĐ-Ô8	0	101	102	5,72	Trung bình	A		
65	16002639	Lê Văn	Duy	Nam	13/05/1998	Đắk Nông	16CĐ-Ô8	0	101	101	6,04	Trung bình		B	
66	16002675	Trương Thành	Linh	Nam	28/02/1998	Bình Định	16CĐ-Ô8	0	101	101	6,04	Trung bình			
67	16001703	Nguyễn Hoài	Phong	Nam	09/10/1998	Đắk Nông	16CĐ-Ô8	0	101	101	6,43	Trung bình	A		
68	16002843	Ngô Quế	Thanh	Nam	03/03/1998	Bình Định	16CĐ-Ô8	0	101	101	6,14	Trung bình	A		
69	16002804	Nguyễn Xuân	Tùng	Nam	19/04/1996	Thanh Hoá	16CĐ-Ô8	0	101	102	5,95	Trung bình			
70	16003234	Trần Nhật	Hào	Nam	17/06/1998	Long An	16CĐ-Ô9	0	101	101	5,83	Trung bình			
71	16001806	Huỳnh Quốc	Thanh	Nam	20/05/1998	Đồng Tháp	16CĐ-Ô9	0	101	101	5,99	Trung bình	A	B	
72	16000848	Phạm Sỹ	Đức	Nam	15/8/1998	Lâm Đồng	16CĐ-Ô10	0	101	101	6,20	Trung bình	A	B	
73	16001771	Đỗ Duy	Thảo	Nam	06/11/1998	Tây Ninh	16CĐ-Ô10	0	101	101	6,45	Trung bình	A	B	
74	16000805	Huỳnh Trường	Thiện	Nam	02/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-Ô10	0	101	101	6,27	Trung bình		B	
75	16001222	Trương Việt	Hoàng	Nam	24/07/1998	Bạc Liêu	16CĐ-MTT1	0	101	101	6,36	Trung bình	A	B	
76	16002170	Nguyễn Văn	Bình	Nam	01/03/1998	Tây Ninh	16CĐ-TM1	0	101	101	5,77	Trung bình		B	
77	16000670	Lê Ngọc	Chung	Nam	13/11/1997	Kiên Giang	16CĐ-TM1	0	101	101	5,88	Trung bình			
78	16003661	Nguyễn Thành	Dủ	Nam	04/03/1996	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	0	101	101	6,06	Trung bình		B	
79	16001480	Đặng Thái	Dương	Nam	30/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	0	101	101	5,65	Trung bình		B	
80	16002341	Lương Gia	Hải	Nam	08/07/1997	Bình Thuận	16CĐ-TM1	0	101	101	5,77	Trung bình		B	
81	16001199	Nguyễn Hà Anh	Hào	Nam	26/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	0	101	101	5,79	Trung bình			
82	16003859	Nguyễn Khắc	Hiếu	Nam	01/04/1998	Bình Phước	16CĐ-TM1	0	101	101	5,94	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		GHI CHÚ
													TH	TA	
83	16001050	Nguyễn Văn	Mạnh Hùng	Nam	06/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	0	101	101	5,63	Trung bình		B	
84	16001278	Nguyễn Trần	Quốc Hưng	Nam	16/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	0	101	101	5,76	Trung bình		B	
85	16000847	Hoàng Quốc	Huy	Nam	08/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	0	101	101	5,82	Trung bình			
86	16003319	Lê Vĩnh	Luận	Nam	05/01/1996	Đồng Nai	16CĐ-TM1	0	101	101	6,41	Trung bình		B	
87	16001085	Huỳnh Tấn	Trung	Nam	09/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	0	101	101	5,80	Trung bình		B	
88	16001280	Nguyễn Phú	Văn	Nam	18/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM1	0	101	101	5,98	Trung bình		B	
89	16002980	Trương Hoài	Chung	Nam	09/01/1998	Bình Định	16CĐ-TM2	0	101	101	5,62	Trung bình		B	
90	16001177	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	19/12/1998	Vĩnh Long	16CĐ-TM2	0	101	101	6,10	Trung bình		B	
91	16002648	Nguyễn Chung	Hữu	Nam	02/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM2	0	101	101	6,11	Trung bình		B	
92	16002569	Bùi Quốc	Khánh	Nam	02/09/1998	Đắk Lắk	16CĐ-TM2	0	101	101	5,96	Trung bình		B	
93	16002504	Huỳnh Thanh	Phong	Nam	30/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TM2	0	101	101	5,61	Trung bình		B	
94	16002684	Trần Phương	Tây	Nam	10/04/1998	Bình Định	16CĐ-TM2	0	101	101	6,07	Trung bình		B	
95	16002895	Thái Văn	Thuận	Nam	20/07/1998	Phú Yên	16CĐ-TM2	0	101	101	5,78	Trung bình		B	
96	16002671	Trần Hữu	Thuận	Nam	02/08/1998	Tiền Giang	16CĐ-TM2	0	101	101	5,76	Trung bình		B	
97	16002836	Trần Việt Bảo	Vương	Nam	11/02/1997	Bình Thuận	16CĐ-TM2	0	101	101	5,87	Trung bình		B	
98	16001687	Võ Trương Hoài	Nam	Nam	02/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-TW1	0	101	102	5,75	Trung bình		B	
99	16002390	Phạm Xuân	Thành	Nam	08/02/1997	Đắk Lắk	16CĐ-TW1	0	101	101	5,85	Trung bình		B	

Tổng cộng có 99 sinh viên, trong đó:

- Khá 02 SV 2,02 %
- Trung bình: 97SV 98 %